TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2025/DS-ST
Ngày: 31-12-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;

2. Ông Huỳnh Văn Dứt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy B, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp L, xã N, tỉnh An Giang; căn cước công dân số 089077017023, ngày 01/9/2021 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Minh G, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp L, xã N, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Huy B cho rằng:

Ông B với ông G, bà S không có mối quan hệ thân thiết, chỉ ở xóm. Cho nên, ông B có cho ông G, bà S vay tiền nhiều lần cụ thể là ba lần, mỗi lần cách vài ngày. Đến ngày 28/7/2025 âm lịch, các bên thỏa thuận lập biên nhận (hợp

đồng nhận tiền) với số tiền 540.000.000 đồng, nội dung do vợ chồng ông G, bà S viết, ký tên và ghi họ tên. Các bên thỏa thuận trong vòng ba tháng sẽ trả vốn, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, ông B là người trực tiếp giao tiền cho ông G và bà S. Khi vay, các bên không thế chấp tài sản vay. Số tiền cho vay là tiền của cá nhân ông B.

Nội dung biên nhận có sửa số tiền là do ông G ghi sai nên bà S sửa lại cho đúng với số tiền đã nợ ông B. Từ khi vay đến nay, ông G và bà S không trả vốn và lãi mặc dù ông B đã nhiều lần yêu cầu. Nay, ông B yêu cầu ông G, bà S có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vốn vay còn nợ 540.000.000 đồng, thay đổi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 28/7/2025 âm lịch thành yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 03/9/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Tờ tự khai của ông Nguyễn Huy B; Biên nhận (hợp đồng nhận tiền) ngày 28/7/2025 (bản photo đã đối chiếu bản chính).

Bị đơn ông Võ Minh G và bà Nguyễn Thị S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Huy B có đơn xin xét xử vắng mặt và không còn tài liệu, chứng cứ nào cung cấp thêm cho Tòa án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến nay vắng mặt không rõ lý do, chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề xuất:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Huy B và ông Võ Minh G, bà Nguyễn Thị S.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy B, buộc ông Võ Minh G và bà Nguyễn Thị S liên đới trả cho ông B số tiền 540.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 03/9/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về mối quan hệ tranh chấp:* Ông G, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Huy B khởi kiện yêu cầu ông G, bà S trả số tiền vay 540.000.000 đồng, ông G, bà S cư trú tại xã N, tỉnh An Giang nên yêu cầu kiện của ông B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở, ông B, ông G, bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông B có đơn xin vắng mặt; ông G, bà S vắng mặt không rõ lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt ông G, bà S theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[1] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:*

Ông Nguyễn Huy B xác định, ngày 28/7/2025 âm lịch, các bên thỏa thuận lập biên nhận (hợp đồng nhận tiền) với số tiền vay 540.000.000 đồng, nội dung do vợ chồng ông G, bà S viết, ký tên và ghi họ tên. Các bên thỏa thuận trong vòng ba tháng sẽ trả vốn, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, ông B là người trực tiếp giao tiền cho ông G và bà S. Khi vay, các bên không thế chấp tài sản vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông G, bà S không trả vốn cũng như trả lãi cho ông B mặc dù ông B nhiều lần yêu cầu.

Do đó, có căn cứ xác định ông G, bà S có vay của ông B số tiền 540.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Do ông G, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay theo thỏa thuận tại biên nhận (hợp đồng nhận tiền) ngày 28/7/2025 nên ông B khởi kiện ông G, bà S trả số tiền 540.000.000 đồng. Xét thấy, căn cứ nguyên đơn khởi kiện là biên nhận (hợp đồng nhận tiền) ngày 28/7/2025 có chữ ký và chữ viết họ và tên Võ Minh G, Nguyễn Thị S. Việc vay giữa ông B với ông G, bà S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Ông G và bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông G, bà S để tham gia tố tụng và Tòa án tống đạt Thông báo số 49/TB-TA ngày 21/11/2025 về việc yêu cầu cung cấp lời khai và giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ nhưng ông G và bà S vắng mặt và

không cung cấp ý kiến cho Tòa án. Vì vậy, ông B khởi kiện yêu cầu ông G, bà S có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vay 540.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Ông B yêu cầu ông G, bà S có nghĩa vụ trả lãi theo quy định từ ngày 28/7/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông B thay đổi yêu cầu tính lãi từ ngày 03/9/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc ông B thay đổi yêu cầu tính lãi là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B, phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bà S, ông G vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông B làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông B nên việc ông B yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất theo quy định từ ngày 03/9/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, ông B xác định lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng, không thể hiện trong biên nhận (hợp đồng nhận tiền), ông B cũng không chứng minh việc vay có thỏa thuận lãi suất. Do đó, lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 03/9/2025 đến ngày 31/12/2025 là: 540.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 03 tháng 28 ngày = 17.700.000 đồng.

Như vậy, tổng nợ gốc và lãi ông G, bà S có nghĩa vụ thanh toán cho ông B là 557.700.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông G, bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy B.

Buộc ông Võ Minh G, bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy B số tiền 557.700.000 (năm trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn) đồng. Trong đó, vốn vay 540.000.000 (năm trăm bốn mươi triệu) đồng và tiền lãi 17.700.000 (mười bảy triệu, bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Minh G, bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 26.308.000 (hai mươi sáu triệu, ba trăm linh nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Huy B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho ông Nguyễn Huy B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.800.000 (mười hai triệu, tám trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003481, ngày 08 tháng 10 năm 2025 do Thi hành án tỉnh An Giang cấp.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 11;
- TAND tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm